TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 81/2024/HS-ST
Ngày: 14-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quí.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thanh.
2. Ông Hoàng Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2024/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị L (Tên gọi khác: Nguyễn Thị L1), sinh ngày 27 tháng 02 năm 1957 tại Quảng Ngãi; Nơi thường trú: A Q, phường N, thị xã Q (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi (địa chỉ năm 1992); Nơi tạm trú và chỗ ở hiện nay: Số A C, tổ G, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông: N (chết); con bà: Nguyễn Thị Đ (chết); gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là thứ 02 trong gia đình; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Bị hại: Ủy ban nhân dân thành phố Q; địa chỉ: Số D H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; người đại diện theo pháp luật: Ông Trà Thanh D; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q; người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị X; chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch (theo văn bản ủy quyền số 240/QĐ-UBND ngày 26/01/2024); vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Ngô Thành T1, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

- Ông Nguyễn Trung T2, sinh năm 1948; địa chỉ: Tổ F, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

- Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn F, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Ông Đỗ Đình A, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ B, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Bà Đào Thị S, sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ F, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1992, Nguyễn Thị L được Công ty dịch vụ Tổng hợp thị xã Q phân công làm thủ kho, thủ quỹ, kiêm bán hàng tại Cửa hàng Ă và Giải khát số 1. Tại đây, Nguyễn Thị L có nhiệm vụ nhập hàng hóa, quản lý hàng hóa, bán hàng và thu tiền. Số tiền thu được từ việc bán hàng, Nguyễn Thị L có trách nhiệm nộp vào tài khoản Công ty và giao phiếu nộp tiền cho kế toán Cửa hàng để tổng hợp, theo dõi. Cửa hàng Ă và Giải khát số 1 có địa chỉ: Số A Q, phường N, thị xã Q (nay là thành phố Q) thuộc Công ty Dịch vụ Tổng hợp thị xã Q. Công ty Dịch vụ tổng hợp thị xã Q là Doanh nghiệp Nhà nước do Ủy ban nhân dân thị xã Q (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Q) quản lý, bao gồm: Cửa hàng Ăn uống và Giải khát số 1, số 2, số C, Nhà hàng M, Nhà hàng 26 H và khách sạn H.

Vào sáng ngày 06/5/1992, bà Nguyễn Thị Y là kế toán Cửa hàng kiểm tra số lượng hàng hóa và sổ sách, chứng từ của Cửa hàng phát hiện Nguyễn Thị L thâm hụt số tiền hàng 2.937.222 đồng của Công ty nên bà Y thông báo sự việc trên cho Nguyễn Thị L. Sau khi biết thông tin, Nguyễn Thị L lo sợ không có tiền trả cho Công ty đã nảy sinh ý định bỏ trốn. Đến sáng ngày 07/5/1992, Nguyễn Thị L lấy thêm số tiền 6.326.318 đồng từ việc bán hàng mà bị cáo đang giữ, chưa nộp vào tài khoản Công ty rồi bỏ trốn.

Theo "Báo cáo tổng hợp về việc tiền hàng sau khi Nguyễn Thị L bỏ đơn vị đi" ngày 15/6/1992 của Cửa hàng ăn uống và giải khát số 1 xác định tổng số tiền Nguyễn Thị L đã chiếm đoạt của công ty là 9.263.540 đồng.

Ngày 08/5/1992, Công an thị xã Q ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình

sự, khởi tố bị can và Quyết định truy nã đối với bị can Nguyễn Thị L về tội "*Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa*" quy định tại Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1985. Ngày 28/8/2023, bị can Nguyễn Thị L đến Công an tỉnh Q đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 20/CT –VKS ngày 25/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội: "*Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa*" theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1985.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị L và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1985; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm h khoản 1 Điều 39 Bộ luật hình sự năm 1985 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 12 đến 15 tháng tù về tội: "*Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa*". Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 9.263.540 đồng để khắc phục hậu quả. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về áp dụng pháp luật: Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị L xảy ra trước 00 giờ ngày 01/01/2018, ngày Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017ó hiệu lực thi hành. So sánh hai Bộ luật hình sự xét thấy, tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1985 nhẹ hơn so với khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định về hiệu lực thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, để có lợi cho người phạm tội cần áp dụng khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình năm 1985 để truy tố, xét xử đối với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị L.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố

Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định: Vào năm 1992, bị cáo được Công ty Dịch vụ tổng hợp thị xã Q phân công làm thủ kho, thủ quỹ, kiêm bán hàng tại Cửa hàng Ăn uống và Giải khát số 1 có địa chỉ tại: Số A Q, phường N, thị xã Q (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi. Tại đây, bị cáo có nhiệm vụ nhập hàng hóa, quản lý hàng hóa, bán hàng và thu tiền. Lợi dụng vào việc mình quản lý tiền bán hàng tại Cửa hàng Ăn uống và Giải khát số 1, bị cáo đã 02 lần chiếm đoạt tổng số tiền 9.263.540 đồng, đây là tiền của Công ty Dịch vụ tổng hợp thị xã Q thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Q (nay là thành phố Q), là tài sản của Nhà nước. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1985. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội: "*Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa*" theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1985 là đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội "*Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa*" theo khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1985.

Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Nhà nước được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của đơn vị nơi bị cáo làm việc, làm thất thoát ngân sách Nhà nước và giảm lòng tin trong quần chúng nhân dân đối với hoạt động điều hành, quản lý nhà nước của các đơn vị, cơ quan nhà nước. Hành vi của bị cáo còn thể hiện bản tính tham lam và xem thường pháp luật nên cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục số tiền 9.263.540 đồng do hành vi của mình gây ra, đồng thời bị hại có đơn xin bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có chú ruột Nguyễn L2 là liệt sĩ; có cha là ông Nguyễn T3 được hưởng chính sách như thương binh nên được Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 tăng nặng hình phạt đối với bị cáo.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thị L là người có nhân thân tốt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã khắc phục hậu quả, bị hại đã có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội 02 lần, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn trong công tác điều tra, mãi đến 28/8/2023 bị cáo mới ra đầu thú. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo đã lớn tuổi, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 9.263.540 đồng, đại diện của bị hại không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Đây là số tiền bị cáo chiếm đoạt của Công ty Dịch vụ tổng hợp thị xã Q thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Q (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi, là tài sản của nhà nước nên trả lại số tiền trên cho Ủy ban nhân dân thành phố Q.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1985; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, về hiệu lực thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội: "Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải trả lại số tiền 9.263.540 đồng (chín triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi

đồng) cho Ủy ban nhân dân thành phố Q theo Ủy nhiệm chi lập ngày 29/01/2024 vào tài khoản 3949.0.1075855.00000 giữa Công an thành phố Q và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP.Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT CATP.Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP.Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CATP.Quảng Ngãi;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CATP.QNg;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quí